

Bản án số: 109/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2023

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Lê Văn Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 295/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A - sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th xã V, huyện G, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Minh Tr - sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23/5/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Tôi và anh Trần Minh Tr có tìm hiểu nhau trước được 06 tháng nên đến năm 2007 chúng tôi cha mẹ hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/02/2007.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được 3 - 4 năm thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi sống không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chúng tôi đã ly thân cách nay gần 01 năm. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là Trần Minh Tr.

Về con chung: Tôi xác định có 02 người con chung tên Trần Thành Kh - sinh ngày 05/4/2008 và Trần Thành Đ - sinh ngày 07/11/2016, hiện nay các con đang sống với anh Tr và cha mẹ anh Tr nên tôi đồng ý giao cả hai con cho anh Tr và cha mẹ anh Tr được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là Trần Minh Tr.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Như tôi đã trình bày trên, tôi không có yêu cầu gì thêm.

Đối với ông Trần Minh Tr trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Tr nhiều lần nhưng ông vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng Đ cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn đã được thông báo và tổng Đ các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Trần Minh Tr. Về con chung: Giao cháu Trần Thành Kh - sinh ngày 05/4/2008 và cháu Trần Thành Đ - sinh ngày 07/11/2016 cho ông Trần Minh Tr được tiếp tục, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị A và ông Trần Minh Tr là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị A là nguyên đơn và ông Trần Minh Tr là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà A có đơn xin xét xử vắng mặt còn ông Tr được Tòa án tổng Đ đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ông có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng ông không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà A và ông Tr là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Trần Minh Tr kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/02/2007 cho nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của bà Nguyễn Thị A và ông Trần Minh Tr là hôn nhân tự nguyện tuy trước khi kết hôn ông bà có tìm hiểu

nhau trước nhưng chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau vì vậy khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Bà A cho rằng vợ chồng sống không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà A và ông Tr đã ly thân cách nay trên 01 năm. Do đó, ngày 14/7/2023 và ngày 31/7/2023 Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Tr không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Tr. Xét thấy, vợ chồng ông bà đã sống ly thân với nhau trên 01 năm do ông Tr bỏ địa phương đi và bà A có tìm kiếm nhưng không gặp được ông. Đồng thời, bà A cũng tỏ rõ thái độ không còn tình cảm và yêu thương ông Tr nên cương quyết xin ly hôn với ông. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của ông bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

Đối với ông Trần Minh Tr, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà ông Tr tổng Đ các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật và người nhà ông Tr nhận thay, cam kết giao lại cho ông nhưng ông Tr không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông. Từ đó, cho thấy ông Tr đã biết được nội dung yêu cầu xin ly hôn của bà A. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Trần Minh Tr theo qui định của pháp luật.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị A xác định bà và ông Trần Minh Tr có 02 người con chung tên Trần Thành Kh - sinh ngày 05/4/2008 và Trần Thành Đ - sinh ngày 07/11/2016, hiện nay cháu Kh và cháu Đ đang sống với ông Tr và cha mẹ ông Tr nên bà A đồng ý giao cháu Kh và cháu Đ cho ông Tr được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bà A không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì bà A xác định khi ông Tr đi làm thì dắt cháu Kh theo từ đầu năm 2023 đến nay và hiện nay bà không biết cháu Kh đang ở đâu. Đồng thời, chính quyền địa phương xác nhận hiện nay cháu Kh con của bà A và ông Tr không có ở địa phương nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của cháu Kh được nhưng bà A đồng ý giao cháu Kh và cháu Đ cho ông Tr được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của bà A.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Bà Nguyễn Thị A có quyền tước đoạt quyền nuôi con chung, không ai có quyền cản trở bà thực hiện quyền này. Khi cần thiết, ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị A xác định bà và ông Trần Minh Tr không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị A phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000636, ngày 30/6/2023

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Trần Minh Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thành Kh - sinh ngày 05/4/2008 và cháu Trần Thành Đ - sinh ngày 07/11/2016 cho ông Trần Minh Tr được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét.

Bà Nguyễn Thị A có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở bà thực hiện quyền này. Khi cần thiết, ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HDXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị A phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000636, ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 13/9/2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Thanh